

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST  
Ngày 19-05-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đào Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đặng Văn Bộ và bà Nguyễn Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 04 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1.** Đào Công D; sinh năm: 1995; tại: huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: tiểu khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Trần Thị O; tiền sự: không;

Tiền án: bị cáo có 02 tiền án, ngày 14/6/2014, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 26/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng cộng hình phạt với bản án trước là 05 năm tù; ngày 26/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 22/01/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa cho đến nay. Có mặt.

**2.** Nguyễn Văn Q; sinh năm: 1995; tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm 6 tháng tù

về tội “Giao cầu với trẻ em”, đã chấp hành xong bản án ngày 22/11/2019; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 22/01/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa cho đến nay. Có mặt.

3. Lê Đức C; sinh năm: 1990, tại: huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Nội Thượng, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Việt H và bà Bùi Thị N; có vợ là Trần Thị Hà P và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/11/2016, bị Công an huyện H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “xâm hại sức khỏe của người khác”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 21/01/2022 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

4. Trình Xuân T, sinh năm 2003, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn N2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trình Xuân H và bà Hoàng Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 22/01/2022 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; công tác tại: Công an xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn Chánh Lộc, xã Hà Giang, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn 5, xã Hà Giang, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn L, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn Thái Tây, xã Hà Thái, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Chị Phùng Thị C, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 12/01/2022, tại khu vực cổng chợ Vùng, thuộc địa phận xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa xảy ra vụ va chạm giao thông giữa xe mô tô biển kiểm soát 36B3-19516 do anh Trần Văn H điều khiển và xe mô tô biển kiểm soát 36B1- 679.02 do anh Phùng Văn Chi điều khiển. Sau khi sự việc

xảy ra, anh Mai Ngọc Vinh, sinh năm 1976, trú tại thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa chứng kiến sự việc nên gọi điện thoại báo tin cho Công an xã Y đến để giải quyết. Đồng chí Nguyễn Huy H - Trưởng Công an xã Y cử đồng chí Nguyễn Văn Đ - Công an viên đến bảo vệ hiện trường đồng thời báo cáo vụ việc đến Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi xảy ra vụ va chạm giao thông, anh Trần Văn H gọi điện thoại cho Lê Đức C (là anh vợ của Hải), nói với C về việc Hải bị tai nạn giao thông ở cổng làng Y nên nhờ C đưa Hải đi Bệnh viện huyện H và đưa xe máy của Hải về. Lúc này, C đang ngồi uống bia cùng với Trình Xuân T, Nguyễn Văn Q, Đào Công D và Vũ Văn L nên C nói “đi xuống Hà Yên có việc” thì D, Q, L, T đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 36B2 - 648.92 chở theo Lâm ngồi phía sau, còn D, Q, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Dream, không biển kiểm soát đến cổng làng Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Khi gặp nhau, Hải nói với C đưa Hải đi bệnh viện kiểm tra và đưa xe mô tô của Hải về thì C nói với D, Q, T và Lâm đem xe Hải về, lúc này chị Phùng Thị C (là người dân đứng ở nơi xảy ra vụ việc) không cho đem xe đi và yêu cầu đợi Công an đến giải quyết nên xảy ra cãi nhau. Khoảng 10 phút sau, đồng chí Nguyễn Văn Đ đến nơi, thấy chị Chúc và nhóm của C đang cãi nhau nên đồng chí Đ nói với những người đang có mặt tại nơi xảy ra vụ việc “tôi là Công an xã Y, được phân công ra để giải quyết liên quan đến vụ tai nạn giao thông”. Vì là bạn học với nhau nên C biết anh Đạt đang công tác tại Công an xã Y đến để giải quyết vụ việc tai nạn giao thông của Hải. Khi đó, C nói với D, T và Q “đây là bạn của anh, làm ở Công an xã Y, để anh nói chuyện” (mục đích là để xin Đạt về việc đưa xe mô tô của Hải về). Sau đó, C nói với đồng chí Đ về việc cho C đưa xe của Hải về nhưng đồng chí Đ nói xe đang liên quan đến vụ tai nạn, không được đem xe về. Khi thấy đồng chí Đ không đồng ý, C nói với đồng chí Đ “bạn không tôn trọng tôi thì tôi cũng không tôn trọng bạn” rồi C nói với D, Q, T đem xe về. Đồng chí Đ không cho đem xe của anh Hải về và yêu cầu để xe lại thì Q cầm 01 dao nhọn đe dọa “Công an tao cũng xiên”, còn D và T dùng tay đẩy đồng chí Đ không cho đến gần vị trí chiếc xe. Sau đó, C ngồi lên chiếc xe của Hải, T và D ngồi xe máy đẩy phía sau xe. Khi đi đến gần cổng trường cấp 3 Hà Trung thì đồng chí Đ điều khiển xe máy đuổi theo và yêu cầu C và nhóm của C đem xe quay lại nơi xảy ra vụ việc nhưng bị Q, D và T dùng lời lẽ đe dọa, ngăn lại, C kêu Q, D, T đi về và nói với đồng chí Đ đi về đi, có gì nói chuyện sau. Trước tình huống trên, đồng chí Đ đã gọi điện báo cáo Trưởng Công an xã Y và lãnh đạo Công an huyện H đến giải quyết vụ việc.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 36B3 - 19516; 01 dao nhọn, dài 17cm, màu trắng sáng, phần cán dao dài 9,5cm, một bên được ốp bằng nhựa sọc nâu, phần rộng nhất con dao là 02cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 7,5cm, mũi dao nhọn, trên lưỡi dao in chữ “USA”, phần rộng nhất của lưỡi dao dài 2cm.

Cáo trạng số 55/CT-VKSHT ngày 26 tháng 04 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Đức C, Nguyễn Văn Q và Trình Xuân T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Đào Công D về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm đ khoản 2 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Đức C, Nguyễn Văn Q, Đào Công D và Trình Xuân T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Đào Công D từ 24 đến 27 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 15 đến 18 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Lê Đức C từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Trình Xuân T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 dao nhọn, dài 17cm, màu trắng sáng, phần cán dao dài 9,5cm, một bên được ốp bằng nhựa sọc nâu, phần rộng nhất con dao là 02cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 7,5cm, mũi dao nhọn, trên lưỡi dao in chữ “USA”, phần rộng nhất của lưỡi dao dài 2cm.

- Buộc các bị cáo Lê Đức C, Nguyễn Văn Q, Đào Công D và Trình Xuân T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 12/01/2022, đồng chí Nguyễn Văn Đ là Công an viên được lãnh đạo Công an xã Y, huyện H cử đến vực công chợ Vũng, thuộc địa phận xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để nắm bắt tình hình và bảo vệ hiện trường vụ va chạm giao thông giữa xe mô tô biển kiểm soát 36B3-195.16 do anh Trần Văn H điều khiển và xe mô tô biển kiểm soát 36B1- 679.02 do anh Phùng Văn Chi điều khiển thì bị Đào Công D, Nguyễn Văn Q, Lê Đức C và Trình Xuân T đe dọa dùng vũ lực cản trở đồng chí Đ đang thi hành công vụ để lấy xe mô tô biển kiểm soát 36B3 – 195.16 của anh Hải đi về. Đối với Đào Công D là đối tượng đã từng ba lần bị kết án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2014/HSST ngày 24/06/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2014/HSST ngày 26/09/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 42 tháng tù của bản án số 21/2014/HS-ST ngày 24/06/2014, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 05 năm tù. Do bị cáo thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” trước hành vi “Cướp tài sản” nên tại bản án số 40/2014/HSST ngày 26/09/2014 không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, trong bản án này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 330 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Lê Đức C, Nguyễn Văn Q và Trình Xuân T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đào Công D về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm đ khoản 2 Điều 330 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công, làm cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của những người đang thi hành công vụ. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trong đó Nguyễn Văn Q là người sử dụng dao để đe dọa, Đào Công D và

Trình Xuân T dùng tay đẩy, ngăn cản người thi hành công vụ với mục đích tạo điều kiện để cho Lê Đức C dịch chuyển chiếc xe mô tô rời khỏi hiện trường vụ tai nạn giao thông. Mặc khác, Đào Công D là đối tượng đã từng bị kết án, chưa được xóa án mà vẫn phạm tội mới; Nguyễn Văn Q là đối tượng đã từng một lần bị kết án, tuy thuộc trường hợp được coi là không có án tích nhưng điều đó cho thấy bản chất khó cải tạo của các bị cáo. Theo Báo cáo về nhân thân đối tượng của Công an nơi các bị cáo cư trú đều thể hiện các bị cáo là đối tượng không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú, có mối quan hệ phức tạp và thường xuyên tụ tập với các đối tượng có tiền án, tiền sự trên địa bàn. Vì vậy, cần thiết phải cách ly các bị cáo D và Q khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung. Do Đào Công D là đối tượng có tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 330 của Bộ luật hình sự nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn Q.

Lê Đức C là người có hành vi dịch chuyển chiếc xe mô tô của anh Hải ra khỏi hiện trường mặc dù đã được người đang thi hành công vụ nhắc nhở và ngăn cản, mặc khác bị cáo là đối tượng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Trình Xuân T là người có hành vi dùng tay đẩy, ngăn cản người đang thi hành công vụ, tạo điều kiện cho C lấy chiếc xe mô tô ra khỏi hiện trường.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Đức C và Trình Xuân T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nguyễn Văn Q đầu thú, Lê Đức C đã có tinh thần trong công tác ủng hộ quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại địa phương, Trình Xuân T có ông nội là người có công với cách mạng được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần căn cứ những tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Lê Đức C và Trình Xuân T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, chỉ cần buộc các bị cáo cải tạo ở địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do Lê Đức C là đối tượng đã từng một lần bị xử phạt vi phạm hành chính nên C phải chịu hình phạt cao hơn Trình Xuân T.

Đối với Trần Văn H gọi điện thoại cho Lê Đức C và Vũ Văn L đi cùng với C; Hải, Lâm và các bị cáo không trao đổi, bàn bạc gì về việc chống người thi hành

công vụ và cũng không tham gia giúp sức. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với Hải và Lâm.

[3]. Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển kiểm soát 36B3 - 19516 là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn H không liên quan đến tội phạm, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 dao nhọn, dài 17cm, màu trắng sáng là hung khí mà bị cáo Nguyễn Văn Q đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[4]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Công D.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Đức C và Trình Xuân T.

**1.** Về tội danh: các bị cáo Đào Công D, Nguyễn Văn Q, Trình Xuân T và Lê Đức C phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

**2.** Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đào Công D 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 13/01/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 13/01/2022.

Xử phạt bị cáo Lê Đức C 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Đức C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Trình Xuân T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trình Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo được hưởng án

treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

**3. Về xử lý vật chứng:** căn cứ khoản 1 Điều 47 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao nhọn, dài 17cm, màu trắng sáng (đặc điểm của vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/05/2022 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H)

**4. Về án phí:** căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Đào Công D, Nguyễn Văn Q, Lê Đức C và Trình Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Văn Nam**

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

## Hôi thẩm nhân dân

## Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



**Đặng Văn Bộ**

**Nguyễn Thị Hương**

**Đào Văn Nam**







